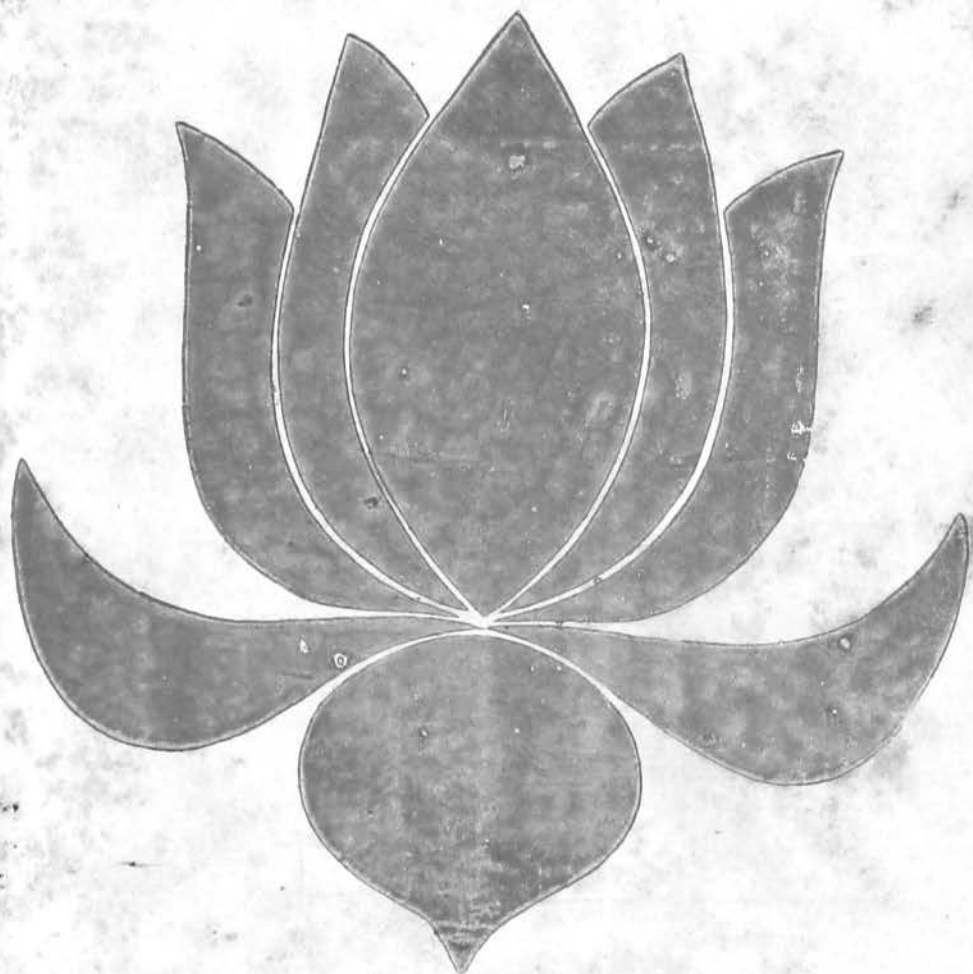


# LIÊN HOA

VĂN TẬP



LIÊN - HOA TUNG - THU

XUẤT BẢN

THÁNG SÁU NĂM ẤT - MÙI

PHẬT - LỊCH 2518

**LIÊN HOA**  
**VĂN TẬP**

# Vàng Ngọc phải chăng là HẠNH PHÚC ?

Thời Phật tại thế, có một vị quốc vương tên Đa-vị-Tả kính thờ cả 96 dòng ngoại đạo. Bỗng một ngày vua phát thiện tâm muốn bố thí rất nhiều, bao nhiêu của báu chất đầy như núi, rao rằng hễ ai đến xin đều cho bốc đi một nắm.

Vì số người đến xin đã dài ngày mà núi báu vẫn chưa suy-suyễn.

Đức Phật biết quốc vương có nhiều phước duyên về trước có thể hóa độ, liền hóa làm một vị Phạm-chi đến thăm. Vua rất mừng rỡ làm lễ xong hỏi rằng :

«Ngài muốn cần dùng gì xin cho tôi biết? Tôi vui lòng cúng dường ».

Vị Phạm-chi đáp :

«Tôi từ xa đến đây, cốt xin nhà vua ngọc báu để đổi lấy vật liệu làm nhà ở ».

Vua đáp : «Tôi rất vui lòng xin ngài bốc lấy một nắm ».

Vị Phạm-chi bốc một nắm, đi bảy bước, trở lại trả chỗ cũ.

Vua hỏi : «Cớ sao ngài không lấy?».

Đáp : «Với số báu ấy thật đủ làm nhà, nhưng khốn cho tôi về sau còn phải cưới vợ nữa, thì không đủ dùng, nên tôi không lấy.

Vua trả lời : «Thôi, ngài lấy thêm ba nắm ».

Vị Phạm-chi bốc ba nắm, đi bảy bước trở lại trả chỗ cũ.

Vua hỏi : «Sao ngài lại thế?»

Đáp : «Với số báu ấy thật đủ cả cưới vợ, nhưng lấy gì sắm ruộng đất, đầy tớ, trâu ngựa, tôi tính không đủ, nên thôi là hơn ».

Vua : Thôi, ngài lấy thêm bảy nắm.»

Vị Phạm-chi lấy xong, đi bảy bước lại trở lại trả chỗ cũ.

Vua hỏi : «Cớ gì ngài vẫn chưa vừa ý?»

Vị Phạm-chi đáp : «Nếu tôi có con cái phải lo cưới gả sắm sửa lại còn việc nhà đóm.ky, giao tiếp thân bằng, tôi tính vẫn cứ thiếu, nên không lấy.»

Vua đáp : « Tôi vui lòng cùng tất cả, ngài lấy về dùng cho đủ».  
Vị Phạm-chí bước lên núi báu rồi trở xuống không nhận.

Nhà vua rất quái lạ, thưa rằng : « Ý ngài thế nào, tôi thật không hiểu ?

Vị Phạm-chí ứng dụng trả lời : « Bản ý tôi đến xin ngài để mưu cầu sự sống. Song tôi xét lại mạng con người sống chẳng bao lâu, muốn vật cũng không thường, sáng còn tối mất, khó giữ lâu bền.

Dầu tôi được cả núi báu, vị tất đã lợi ích hoàn toàn cho bản thân. Lo toan tham muốn bao nhiêu, lương công nhọc nhằn bấy nhiêu, chẳng bằng dứt bỏ dục vọng, cầu đạo giải-thoát, rèn luyện các đức-tính tốt cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội, đều hướng về mục đích Từ-bi, tri-tuệ là hơn, nên tôi không lấy.»

Khi đó nhà vua lĩnh ngộ, tâm ý sáng-suốt, cầu được nghe pháp.

Vị Phạm-chí liền nói bài kệ rằng :

« Tuy được núi vàng báu,  
Chất cao đến trời xanh.  
Thế gian nhiều như thế,  
Chẳng bằng thấy nguồn đạo.  
Đời không lành tưởng lành,  
Ưa mà thấy như ghét.  
Lấy khổ dùng làm vui,  
Cuồng-phu bị tai hại.

Nói bài kệ xong, Ngài đã hiện Phật thân phóng hào quang sáng. Vua và quần-thần vui mừng hớn hờ, xin thọ ngũ-giới, chứng quả Tu-Đà-Hoàn.

Xem đây, ta hiểu thêm rằng, vô thường là luật biến chuyển của thân tâm và hoàn-cảnh, tất cả vũ-tru đều vô thường, từ trạng-thái này biến thành trạng-thái khác, chứ không phải ta chỉ hiểu vô-thường chỉ có nghĩa là « Chết » mà thôi, rồi sinh ra bi-quan, không làm gì cả.

Hiểu thế dễ hiểu thêm nữa, rằng tất cả vạn pháp đều vô-thường, ta phải thật hành cái sống theo hạnh ly - dục, tiêu lần bớt các tánh chấp-dắm, nặng-nề đen tối, mà thay vào đó một chiều sống giác-ngộ, lấy đức-tánh từ-bi, tri-tuệ, làm đích sống cho mình, cho người, hoạt động làm lợi cho người đều sống đúng chánh-pháp của Phật. Đó là điều mà Phật-lữ cần phải nhận thanh để thật hành.

VIÊN - MINH

# VÀNG MÃ

Rằm tháng bảy đã đến, cũng như những ngày lễ khác, là ngày mà các nhà « hiểu-chủ » (chắc-chắn là những người không hiểu Nho - giáo, không học Phật) tuy không chờ đợi đem bạc ngàn bạc vạn **đốt** một cách gián-tiếp bằng cách **đốt vàng mã**, nhưng tập tục vẫn còn, và vẫn còn những người lợi dụng mê-tín để sinh-sống, nên tôi nghiên - cứu bài này hầu cống - hiến sự lợi - ích phần nào cho nhân-dân hết mê-tín, ngọn đèn chánh-tín được sáng — soi khắp xứ — có chỗ nào thiếu-sót, xin độc-giả hoan-hỷ bổ-chính cho.

Mỗi một nước đều có phong-tục tập-quán riêng. Nước Việt - Nam ta đã mấy nghìn năm chịu ảnh - hưởng của nước Tàu về các phương - diện : Văn - hóa, chính - trị, tôn - giáo. Hễ bên Tàu có làm thì sau một thời-gian truyền qua nước ta, thế là hoàn-toàn của ta.

Nguyên nước Tàu về đời thượng cò, người chết, thì lấy cây củi bó lại rồi khiên ra để ngoài đồng không mông quạnh, chẳng chôn như bây giờ. Đến đời vua Hoàng-Đế (2697 trước dương - lịch) mới phát minh ra quan-quách.

Về sau, Nhà Hạ (2205 trước dương lịch) không dùng đồ minh - khí (lấy tre gò làm các đồ khí-cụ gọi rằng đồ minh-khí), để chôn theo với người chết, nên cũng gọi là qui-khí, nghĩa là những đồ-dạc để cho thần-minh ma-quỷ dùng. Cái nguyên lai dùng đồ mã là từ đây.

Đến Nhà Ân (1765 trước dương lịch) không dùng đồ minh - khí chôn theo với người chết nữa, mà chôn tế - khí (các món hào soạn toán là đồ thiết dụng trong khi cúng quây) là đồ thật dụng cả.

Vì số người sinh-sản càng ngày càng đông, nên các thứ vật dụng đồ thiết (tế - khí, tế - phẩm) phải đề cung - cấp cho người sống, phải hạn-giới bớt đi. Nên Nhà Chu (1122 trước dương lịch) lại phải chia ra làm hai bậc, bậc quý và bậc tiện. Bậc quý từ quan đại - phu lên đến Thiên-Tử, thì được dùng cả qui-khí (đồ giả) và tế-khí (đồ thiết); bậc tiện là từ sĩ - phu xuống đến thứ - dân, thì được dùng một thứ qui-khí mà thôi.

Chính thể độc-quyền áp-chế của quân-chủ Nhà Chu : tiết-kiệm, thì bắt buộc dân - chúng phải tuân theo lễ-phép của Nhà Hạ (đồ giả), mà vua cùng các quan, lại xa-hoa tàn-nhẫn ! Thậm chí ngày thường người nào được vua yêu thương như : vợ, con, tôi, hầu nào, sau khi vua chết, đều bị chôn sống theo vua cả, thế gọi rằng tuấn-táng (Hán - Việt từ-diễn Đào - Duy - Anh cắt nghĩa : đem người sống chôn theo người chết, là một tục của dân dã - man). Cái ác - tục này, chẳng những một thiên-tử, đến các vua chư-hầu cũng tuấn-táng như thế cả.

Sách Nho chép rằng : năm Văn-Công thứ 6, vua Tần-Mục-Công tên là Háo-Nhâm chết, ba anh em họ Tử - Xa đều bị chôn sống theo vua, vì Nhà vua lúc sinh - tiền yêu thương ba người ấy. Nhân - dân trong nước tỏ lòng thương tiếc kêu gào trời đất quý - thần, và tỏ ý nếu cho chuộc được, thì ba trăm người xin vui lòng chết thế cho. Vì tài-trí đức - hạnh ba người này gấp trăm nghìn người khác, lẽ tất - nhiên là phải tìm vật khác để thay vào. Nhân đó, mới làm ra một thứ người bằng cỏ, bằng gỗ để thay.

Đời Hậu-Hàn, vua Hòa-Đế, hiệu Hung-nguyên năm đầu (105 sau kỷ-nguyên), có ông Thái-Luân bắt đầu chế ra giấy. Sau đó lại có ông Vương - Dư đời Đường chế ra giấy tiền vàng bạc, để thay cho vàng bạc thật trong lúc tang-ma tế-tự.

Sách Pháp-uyên Chu - lâm chép rằng : vàng bạc giấy tiền sản xuất ra là từ quan Trường - sử tên là Vương - Dư đời Đường, dùng trong việc tang ma tế-tự. Từ đời Hậu - Hán trong việc tang ma vẫn dùng tiền



bạc thật đề chôn theo người chết ; đến đời Đường ông Vương - Dư dùng tiền bạc bằng giấy thay vào, hoặc đề liệm, hoặc rải bỏ dọc đường, hoặc đốt đi.

Sách Thông-Giám Cương-mục chép : đời Đường, vua Huyền-Tôn năm khai-nguyên 26 (737 sau kỷ - nguyên), vì Nhà vua mê - tín theo thuật quý-thần, dùng người Vương-Dư làm chức Thái-thường bác - sĩ, đề coi việc đốt giấy tiền vàng bạc trong khi cúng-tế.

Giấy tiền giấy bạc cùng các thứ giấy khác đã có, thì những cái như : vớ, hầu, con cái, tội-tớ, cửa nhà, xe cộ, đồ-đạc, vật dụng, áo-quần, lục-súc, cho đến tất cả các thứ gì đã có khi trước, đề thay - thế cho người gỗ (vì người gỗ cũng có tai mắt, cử - động hân-hoi) hay người sống, kêu bằng hình nhân thế mạng ; lại nữa, trăm nghìn vật khác bằng giấy cũng gọi rằng « **minh - khí** » mà đồng thời xuất hiện liên-miên, thành-thử dân Tàu đua nhau chuộng dùng **đồ - mã**.

Lúc đó Phật - giáo đương thịnh-hành ở Tàu, người Tàu tìm cách lợi-dụng **đồ - mã** cho phò-cập nhân-gian. Nhân đó ngày Rằm Tháng Bảy, phong-tục trong nước làm lễ « Trung-nguyên » có nhà Đạo - sĩ (Đạo-lão) tên là Đạo - Tạng vào triều yết - kiến vua Đường Đại - Tông (762 sau kỷ-nguyên), y tâu rằng : « Hạ-thần nghe nói hôm nay là ngày vua Diêm - Vương dưới Âm - phủ xét định tội phúc cho các tội nhân, và, ân-xá mở ngục tha tù ; vậy xin bệ-hạ xuống lời thông-sức cho nhân dân phải dùng « **Minh-cụ** » là các **đồ - mã**, khẩn ròi đốt đi dâng cho vong-nhân dùng. Thế là **đồ - mã** chiến-thắng cả hai tôn - giáo, Phật và Lão.

Không bao lâu, đối với **đồ - mã**, người Tàu lại có ý chán những hàng **đồ - mã** không tiêu - thụ được mấy. Cái nghề chuyên-môn gia-truyền của họ Vương phải gần bị thất nghiệp. Bởi đó, con cháu của họ Vương cố hết sức tìm mưu lập-kế đề chấn-hưng trở lại.

Sách Trục-ngôn cảnh giáo chép : ông Vương-Luân là dòng-dối của Vương-Dư, là nhà nghề làm **đồ - mã** và **giấy tiền vàng bạc**, đương

dời vua Ân-Đế nhà Hán (948 sau kỷ-nguyên) Vương-Luân vì muốn cái nghề của tồ - phụ di - truyền khỏi phá sản, liền lập mưu với một người bạn thân, cùng nhau thiết-kế rất bí-mật, nghĩa là người bạn kia giả vờ đau ốm cho ai nấy đều biết, chừng bốn, năm bữa có tin báo rằng va chết, đã khâm-liệm, bỏ vào quan-tài rồi, chỉ đợi ngày giờ tốt là đưa linh cữu táng-an phần - mộ. Nhưng kỳ-thật, người ấy vẫn sống và mạnh - khỏe như thường ; tuy ở trong quan - tài, nhưng vẫn có lỗ trống dưới đáy, để thở và đưa đồ ăn uống. Đến ngày phát hành cất đám, lễ-nhạc linh - đình, phúng - điếu rộn-rịp, ông Vương - Luân đem **giấy-tiền vàng-bạc, hình nhân thể mạng cả đồ-mả** đến làm lễ Tam-phủ đề cầu cho người bạn được may ra hoàn - hồn sống lại. Linh thay ! quan-tài tự nhiên rung - động, làm cho ai nấy mục-kích rõ - ràng, cùng nhau dỡ quan - tài, người bạn quả nhiên sống lại, cảm ơn Vương-Luân, và thuật chuyện cho công chúng nghe rằng : Chư-vị Âm - thần đã nhận được **vàng-bạc đồ-mả**, rồi liền thả hồn - vía cho về. Đó rồi ai nấy đều tin rầm-rập, mà **đồ-mả, giấy-tiền, vàng-bạc** lại thêm nức tiếng. Thế thì chư vị Âm - thần ăn hối - lộ như thế có bị cách - chức, bị trị tội gì không ? Hay là uở lại bị tội dùng vật hối-lộ của người ? !

Lại nhân đó, bọn buôn giấy mả bên Tàu lợi dụng thờ-ơ, chớ biết bao nhiêu là giấy hàng sang Việt-Nam để tiêu thụ.

Tìm xét khám phá kẻ-mưu, thì biết đó là cái hủ-tục tập-quán của nước Tàu, cái thủ-doạn gian-hùng của Vương-Luân, như cái cơ-mưu đã bại lộ, cái hủ-tục đã rõ ràng rồi, phàm người có trí-thức, đại gài còn bị lừa gạt mà lãng phí một cách vô lý ?

Nước Việt-Nam ta từ đời ông Khúc - Thừa - Dũ, Khúc-Thừa-Thảo (906 sau kỷ-nguyên) về trước vẫn ở dưới quyền nội-thuộc và đồ-hộ của Tàu, nghĩa là bắt đầu từ Tây-Hán Vũ-Đê (III trước dương-lịch) sai ông Lộc-Bá-Đức và Dương-Bộc làm tướng, đem binh qua lấy Annam... cho đến đời Đường Ngũ-quí (939) bấy giờ nước ta có ông Ngô - Quyền giết



tướng Tàu là người Kiều-Công-Tiện và Hoàng-Thào, đuổi quân Nam-Hán về Tàu. Kể từ Tây-Hán đến Nam - Hán thì-chung tính được một nghìn năm mười năm. Bởi nội-thuộc trong khoản thời-gian 1050 năm đó, nên chi, hễ phong-tục Tàu có những gì, bất luận hay, dở, phải, trái, nước ta cũng bị quyền bắt buộc tiêm-nhiễm theo cả.

Thường tình của người đời : vì lòng tương-thân tương-ái, vì nỗi tử-biệt sinh-ly, vì niềm thương tiếc nhớ nhau, thành-thử muốn tỏ tấm lòng báo đáp cùng nhau, song không biết xét suy làm việc chính-dáng, lại làm theo lối mê-tín dị-doan, như đồng-bóng, di bói, cầu vía hồn, mưu-thần chước-quiv, nào sát sinh để tâu lo-lót, nào là đặt **mã hình nhân thể mạng**, cứ nhắm mắt đi theo lối « Xưa bày nay làm » không chịu xét điều phải lẽ trái. Bảo rằng : Cúng để cầu phúc, nhưng khốn nỗi, nhà trên kính-keng, dưới bếp giết lợn, gà, vịt, như vậy phúc đâu mà cầu ? Thậm-chí có nói nếu đến cúng ở chùa lại phải làm cỗ soạn thịt-cá mà cúng. Thì các vị thờ ở chùa tất-nhiên phải là các vị Hộ-pháp đệ-tử Phật, ít nhất cũng đã thọ tam-qui ngũ-giới ! Nếu vọng ngữ bảo Ngài đòi ăn thịt, tội ấy ai mang ?

Những **đồ-má** : quần áo, dứa ở, con dòi, cùng hết thảy các thứ ở dương-gian đốt ra tro mà dưới Âm-phủ nhận được dùng được, thật là vô lý ; dương khi đốt, có cơn gió, những tàn của tờ giấy to, giấy bạc, giấy vàng bay tứ-tung thành các mảnh, còn đâu là nguyên lành xuống Âm-phủ đến tay vong-giả mà dùng. Các hình nhân chỉ có nan, giấy gián kín, chân thẳng đờ, lục-phủ ngũ-tạng không có, tên tuổi căn cước cũng không, lỡ đi dọc đường xuống âm-phủ có điểm canh gát xét hỏi thì làm thế nào được, không đi thoát, hoặc bị giam-giữ lại, hoặc trở lui về nhà « hiếu-chủ » chẳng ? Nếu theo « hiếu-chủ mê-tín » trả lời là đến được, dùng được, mỗi năm chờ **RẦM THÁNG BẢY** hay kỵ-giờ mới đốt cho một lần thì sau đó lấy gì dùng đủ quanh năm được ? vì người dương-gian tháng này khác tháng kia một năm biết bao nhiêu là quần áo, mà đây chỉ đốt có một lần mà thôi.

Có khi chồng con lúc sống thì chả coi ra gì, miếng ngon chẳng được ăn, sau khi chết thì ma chay linh-đình, giết lợn để cúng tế, **đốt vàng mã** cho dùng, hoặc để che miệng thế-gian, u-mê thật !

Nói rằng người chết là về Âm-phủ, rồi ở đó luôn chờ đợi mỗi năm người sống đốt đồ giấy xuống cho mà dùng, nói thế không mâu thuẫn lắm ư ? Là mỗi khi trong nhà có người chết, thấy nhà nào cũng cầu nguyện cho vong-giả lên cõi trên, cõi tự-tại, hay cầu sanh về Cực-lạc, nghĩa là không thấy ai cầu ở luôn dưới Âm - phủ cả, vì nếu có Âm-phủ thật, thì đó là cõi âm ; mà cõi âm thì âm-khí nặng nề tối-tăm, ai đi đại chỉ cầu ở cõi tối-tăm mãi mà không cầu ở chỗ sáng-suốt, thanh-thời. Đã cầu cho vong-giả siêu thăng, thì sao lại đốt đồ giấy xuống Âm-phủ, sao cầu một đường làm một ngã thế ? Vô-lý lạ kỳ !

Nói thế để quyết-định sự **đốt vàng mã** là một sự mê-tín, tổn tiền vô-ích. Sự ấy đã gieo-rắc vào trí-não người mình hơn nghìn năm rồi, làm sao một lúc bỏ ngay được, nhưng phải tẩy dần cho sạch, và trong một thời-gian rất ngắn, bỏ được tập-quán dờ mà người Tàu nhận biết là làm đã từ lâu.

Về Phật - giáo, Phật dạy rằng phạm hiểu - tử, có lòng nhiệt - thành, muốn làm phúc độ vong thì phải : ngoài sự nhờ thanh-tịnh Tăng chú-nguyện, tùy lực làm việc từ-thiện, như là chần bần, cứu-khò tàn-tật, ốm-đau, bở-cỏi, già-yếu mà không ai cấp-dưỡng ; bắc cầu đắp đường, thí thuốc, thí nước, làm nhà nghỉ chân, trồng cây theo dọc đường để có bóng mát ; đó là bề ngoài, còn trong thì, niệm Phật, tụng kinh, để đem công đức ấy hồi-hướng cho vong -giả được phần tế - độ, **thế là báo ân báo hiếu** mà âm siêu dương thái. Có học Phật mới mong có ngày cứu-độ các bậc tôn - trưởng, cha mẹ, anh em thân bằng quyến thuộc cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Hiện thời, do tai nạn chiến-tranh có đến hàng vạn người đương bị đói rách, những số bạc của các nhà « **hiếu-chủ mê-tín** » **mua đồ mã,**

dem dùng vào việc bố - thí đặng bào nghèo - khổ này, « miếng khi đói, gói khi no », há chẳng phải một nghĩa-vụ cao cả rất hay, rất ích - lợi đó không ?

Đề kết luận, những cái thuyết chôn đồ, **đốt mã hình nhân thể mạng cái hú tục** bởi bệnh mê-tín của nước Tàu khi xưa đã tiêm nhiễm do mưu-mô quỷ-quyệt, thủ-đoạn gian-hùng của **Vương - Luân, con nhà dòng-dối nghề làm đồ-mã**, và lời sàm - tấu của Đạo - sĩ tên là Đạo-Tạng. Nếu nhà vua Huyền-Tôn đời Đường bên Tàu không mê-tín theo quỷ-thuật, dùng Vương - Dư coi việc đốt giấy tiền vàng bạc trong khi cúng tế thì làm gì dân Việt-Nam phải đốt phí vô ích bạc ngàn bạc vạn đồ-mã vào dịp **RẪM THÁNG BẢY** mỗi năm ? ấy là chưa nói đến các dịp lễ khác. Sự thật đã rõ-rệt, dân Tàu đã tinh - ngộ, chán - nản sự dùng **đồ mã**, thể mà dân Việt - Nam ta còn cứ mê-man chưa chịu nhận chân những lời thanh-minh nói rất nhiều trên báo-chí, mà **bỏ hú - tục đốt vàng mã đi**. Hay là còn đợi tìm ông Vương-Luân và Đạo-Tạng mà hỏi đả ? mê thật !

Đạo Nho không bao giờ dạy về vấn-đề vàng mã này, huống gì đạo Phật là một nền tảng đạo - lý chuyên dạy cách sống giác - ngộ cho người, 3 tạng kinh, luật, luận có chữ nào bảo đốt vàng mã đâu ; người chuyên lo việc cúng-tế nên triệt-đề phục-thiện.

Người Phật-tử muốn báo-hiếu cho cha mẹ đời hiện-tại được sống lâu, cầu siêu-độ cho cha mẹ bảy đời được siêu-thoát, thì theo như kinh Vu-Lan-Bồn và kinh Địa-tạng v. v. . . Phật đã dạy, mà cúng lễ, tụng kinh, niệm - Phật, chắc là được lợi cả phần âm và phần dương.

Vậy ai là người, ngày **RẪM THÁNG BẢY** hay các tế lễ gì **đốt bạc ngàn bạc vạn về vàng mã**, nên triệt-đề tiêu - trừ cái tập - quán cổ-hủ ấy, đề người ngoài khỏi cười mình dại, khỏi đi lằm vào một trong các đường mê-tín, dị-đoan, và khỏi tổn tiền xa-xỉ vô-bổ cho phong-hóa nước nhà.

CHƠN - THƯỜNG  
Chùa Linh - Quang — HUẾ

# MỘT NGƯỜI NGHÈO LẠ

Chàng nghèo thật hết chỗ nói, cả sự-nghiệp của chàng chỉ có một bà mẹ già mà thôi.

Lâu lắm, người ta mới biểu cho chàng một cái búa để đến ơn cứu sống một em bé chết đuối.

Được búa, chàng đưa mẹ vào núi, tìm một hang đá, chàng lót rơm êm và có gió mát để mẹ ăn-ở ; như thế chàng an-tâm lắm, ngày ngày đi kiếm củi rồi về chợ đổi gạo, mặc dầu ít tiền, chàng vẫn mua được thịt để mẹ xơi. Tu-Lại, tên chàng chẳng những lan rộng với chữ hiếu, mà người ta còn gọi chàng là trảng-sĩ, vì chàng thường giúp đỡ nhân-dân trong vùng ấy, bất-luận gặp một tai nạn gì chàng thường giúp đỡ họ tận-lực.

Vì chàng ở núi, nên người ta đặt chàng những món tiền lớn để bắt các thú rừng hiền lành như : nai, khỉ, chồn, thỏ v.v. Tu-Lại từ-chối vì chàng là một Phật-lữ chơn-chánh, không bao giờ sát một sanh vật nào dù nhỏ. Chẳng những chàng không bắt chúng mà còn yêu mến chúng nữa, nên lâu ngày chúng quen và thường đến gần hai mẹ con chàng ở. Cái hang ấy bây giờ thành vui, có hoa lạ nở hai bên, có những tổ chim làm gần-gũi đó.

Có những đêm trăng sáng mẹ chàng niệm Phật, chàng ngồi một bên kết mấy thứ cỏ khô làm thành áo để mặc mùa đông.

Nhưng đã 6 ngày nay, trời mưa luôn không ngớt, gạo trong hang đã hầu cạn, chàng lo ngại, nếu mưa cứ kéo dài. Sáng nay, trời hừng sáng, Tu-Lại sung-sướng quá, chàng chào

mẹ rồi vác búa ra đi. Đến chỗ thường đốn củi, thì xa xa có bóng ba người thiếu-nữ. Thấy có người ba bóng kia bỏ đi nơi khác. Chàng đề bầu nước xuống và sửa-s soạn vào việc thì ồ thật, một chiếc kim-thoa óng-ánh nằm ngã-nghiên bên tảng đá, không còn nghi gì nữa, chàng vội nhặt lấy, rồi chạy theo ba thiếu-nữ kia trả lại cho họ, người ta nhìn chàng với cặp mắt cảm trọng. Người tráng-sĩ không thể trả ân bằng tiền bạc được, vì người ta biết tiếng chàng nhiều lắm. Nhưng từ độ ấy đến sau, nơi hang mẹ chàng thỉnh thoảng có người đem đến biếu gạo trắng và thịt ngon, trong lúc chàng đi làm củi vắng, cứ thế rồi một ngày kia..

Một sáng mai kia, khi chàng còn mơ-màng chưa tỉnh hẳn thì có một nàng tiên ngồi một bên chàng, nàng tiên ấy trên trời sa xuống lâu mau không biết, hồi nào không hay, nhưng nàng là tiên thật, vì nàng đẹp quá. Một tấm «voan» màu nước biển phủ nhẹ toàn thân, trên mái tóc xanh là một tràng hoa tươi. Chàng phải ngượng với bộ áo vô cùng sơ - sài của mình. Tu - Lại ngồi phất dậy : «nàng là ai ? sao lại đến đây ? »

— Thiếp là sương-phụ đánh rơi chiếc kim-thoa hôm nọ, được tráng-sĩ cho lại, về nhà thiếp suy-nghĩ : ở đời sang giàu không phải là chơn hạnh-phúc, được gần bậc hiền - nhân mới chắc-chắn sống một lối sống của con người biết sống ! Thiếp nay giàu có, của cải dư-dật, cha mẹ không, chồng chết, thiếp chỉ có hai con thơ, nay thiếp đến đây nguyện theo chàng, mong chàng đừng phụ, thiếp xin thay chàng hầu-hạ mẹ già, và giúp chàng học-hành để thành danh-đức, hầu sau làm lợi-ích cho đời, nếu chàng cố-chấp không nghe, thiếp rất tiếc tài-ba đức-độ của chàng vùi sâu trong hang thẳm.

Tiếng nàng trong mà êm quá, trong như tiếng suối chảy, êm như tiếng chim kêu, nàng nói với một vẻ thiết-tha thành .



thật. Câu chuyện mới các-có làm sao, mỗi lời nói của nàng như rót vào tai người tráng-sĩ.

Tu-Lại mơ-màng như người trong mộng, chàng suy - nghĩ không biết ta chiêm-bao hay thật nà nàng là người thật ? hay ma ? Bỗng chàng nghiêm nét mặt và bảo : tôi xem nàng là người đoan-chánh lại giàu-sang là do phước-báo của nàng đời trước đã gây nhơn tốt nhiều, còn tôi chỉ là một kẻ nghèo khổ, làm sao xứng-đáng với nàng và, theo tôi, một người sương-phụ cần phải thờ chồng, nuôi con, dạy vẽ cho con nên người, xứng với ý-nghĩa của con người mới phải. Thiết-thật hơn, tôi nay còn mẹ già, nếu tôi lập gia-đình, tình yêu mẹ sẽ sang-sốt, nàng còn có con thơ, nếu nàng lập gia - đình tình yêu con sẽ không còn nguyên- vẹn, mẹ tôi cần có tôi mới vui, con nàng cần có nàng mới sống, như vậy tôi khuyên nàng nên trở về nuôi con và dứt bỏ câu chuyện này. Còn nàng sợ đức-độ tôi tài-ba của tôi sẽ mai-một, nếu tôi quả có đức-độ như nàng tặng, thì trong rừng sâu các loài cầm-thú cũng cần có đức-độ để che chở cho chúng, như thế có đức-độ thì ở đâu mà lại không dùng được ?

Nàng tiên ấy bay đi, trời đương sáng bỗng tối hẳn, người tráng-sĩ cũng thấy nao nao trong lòng, nhưng rồi chàng lại vui lên nhiều, vì chàng đã chiến-thắng. Song không hiểu vì sao, những chuyện lạ-kỳ lại hay đến với người nghèo lạ ấy.

Một hôm, có một người lạ mặt hốt-hoảng chạy đến lôi ra một thoi vàng thắm thừa với Tu-Lại : thừa tráng-sĩ, tôi xin dâng chút quà mọn này, nhờ tráng-sĩ giúp tôi một lời nói. Ngày mai đây, nếu có ai đến hỏi : « có một đoàn người đi ngang qua đây không ? », thì xin tráng-sĩ nói cho một tiếng « có ». Ở đây chỉ có tráng-sĩ và tôi, ngoài ra không còn ai hay chuyện này cả, vả lại tráng-sĩ chỉ nói cho một tiếng cũng không sao. Nói xong, người ấy bỏ vàng lại đó, rồi chạy mất. Tu-Lại chưa kịp



suy-nghĩ gì cả, nhưng chàng vội lượm vàng rồi chạy theo thật nhanh mới kịp. Tu-Lại kéo tay người kia : không, không, vàng ông hãy cầm lấy, tôi không thể theo lời ông được, tôi là một Phật-tử, không bao giờ tôi làm việc ám-muội, một lời nói của người quân-tử trọng hơn nghìn vàng, nhưng một lời nói của người Phật-tử còn trọng hơn cả thân-mạng, nếu ông đem nghìn vàng hay dùng uy-thế hại đến mạng tôi, bảo tôi nói dối, thà chết chớ tôi không bao giờ phạm cấm-giới của Phật, nói xong Tu-Lại bỏ vàng rồi chạy thẳng.

Tiếng tốt của người tráng-sĩ bay xa như ngọn gió mát vô-tình thổi từ rừng sâu vào đến thâm cung. A - Dục vương là người hiếu-kỳ, muốn thử chàng, nên những chuyện bỏ rơi kim - thoa và người con gái đến tận hang chàng chính là cung nham của vua A-Dục và người đem vàng đến biểu chàng nói dối cũng là mưu của A - Dục vương. Sau mấy lần thử-thách, nhà vua biết Tu-Lại là bậc hiền-nhân bỗng đem lòng đố-kỵ sai người đến hại chàng ; « Tôi vâng lệnh nhà vua đến giết tráng-sĩ » người đao-phủ tay cầm gươm bén sáng bảo thế.

Ồ thế thì tốt quá, tôi rất cảm ơn Ngài đã vì tôi mà hãy giùm cái thân ô-ước đầy tội-lỗi này. Song tôi còn chút mẹ già nhờ ngài chiếu-cổ cho... Tên đao-phủ ngạc-nhiên trước thái-độ thản-nhiên của Tu-Lại — Ông là người vô-tội, nhà vua vì lòng đố-kỵ sai tôi đến hại ông, vậy ông không giận nhà vua sao ?

— Không, tôi không giận mà còn thương hại nhà vua đã gây nhiều nghiệp ác, trước khi chết tôi xin cầu đức Phật cho nhà vua phát bồ-đề tâm hồi-hướng thiện-niệm.

Tên đao - phủ mím môi đỏ mặt đưa gươm lên cao xán xuống đầu chàng..... nhưng lưỡi gươm kia xuống từ từ rồi chui thẳng vào vỏ kiếm.....

Sáng hôm sau vua A-Dục lên tận hang chàng ở, đến nơi chàng đã đi làm củi sớm, vua chờ trọn ngày mới gặp. Vua A-Dục mừng - rỡ từ-tồn bảo : trẫm làm vua, trong nước có hiền-tài mà trẫm biết chậm thật là đáng tiếc ! ngày nay nước nhà loạn-lạc trẫm mong tráng-sĩ về triều cùng trẫm chăm lo việc nước, được vậy thật là hạnh-phúc cho nhân-dân. Chàng chối-từ năm bảy dạo, vua nài-nễ đòi ba phen, cuối cùng chàng hẹn trong bảy ngày sẽ trả lời.

Trong bảy ngày, ba lần vua đến thăm, ba lần vua cho người lên thăm hỏi. Tu-Lại hỏi ý-kiến mẹ, mẹ chàng bảo :

Hiện nay mẹ nghe trong nước, nhà vua thì lãng-mạn hoang-hung hà-khắc dân-tình, nhân-dân oán thán đến nỗi họ đặt tên nhà vua là Chiên-Đà-La A-Dục (ông vua hung-tợn như người hàng thịt) triều-đình thì rịnh thần ô-lại; ngoài thì cha hung-tàn, con ngỗ-ngịch, vợ bất-chánh, chồng bất lương.... đạo-đức hầu mất hẳn, tất cả tâm-niệm xấu-xa độc-ác kết-hợp lại, do đó mà giặc cướp nổi lung-tung. Con nay chấp kinh cũng phải tùng quyền, vậy như cơ-hội này, con có dịp đem giáo-pháp của đức Phật để cảm hóa quần-sanh hầu mong cứu vãn nhưn-tâm, đưa lại sự an-ninh cho nhân-loại.

Vâng lời mẹ, Tu-Lại về triều. Vua A-Dục lấy hai chữ Quốc-Bửu (vật quý của nước) tặng chàng làm tên.

Trước hết Quốc-Bửu đem 3 pháp quy-y, 5 điều cấm giới cảm-hóa vua. Vua A-Dục từ khi biết quy đầu về Phật, không bao lâu trở thành một vị minh-quân, Ông đổi hẳn chính-sách, lấy đức-độ trị dân, không dùng oai-thế tàn-bạo như trước nữa. Vì thế mà nhân-dân trong nước trở lại cảm-phục vua, từ đó họ đặt tên nhà vua là Thích-Ca A-Dục (ông vua hay làm điều nhân-từ).

Trong nước, nhà vua trọng thưởng người hiền hiếu, trừng trị kẻ hoan dân, cấm hẳn sự xa-hoa cờ-bạc, săn - bắn, triệt-đề không rượu-chè đàn-điểm, người già-cả bệnh-hoạn được săn-sóc chu - đáo, nhà nhà đều thờ Phật, trọng tăng, tu pháp thập-thiện. Nếu ai phạm một trong 5 điều răn phải bị trục - xuất ra khỏi nước. Nhờ vậy, không bao lâu trong nước trở lại thái-bình an - lạc.

Đốt nén hương lòng, ta ngồi yên - tĩnh đọc lại bài kinh đây của đức Thế-Tôn dạy. Ta mới thấy, đứng về phương-diện nhân - thừa, đạo Phật không nói gì xa - lạ cả, một người muốn xứng-đáng với ý - nghĩa của con người, chỉ cần - yếu giữ - gìn 5 điều cấm-giới. Ta xem như Quốc-Bửu là một người nghèo-xác, nghèo-xơ, mà chàng cảm-hóa được nhà vua, xoay-chuyển được toàn dân một nước. Quốc-Bửu không có oai-thế, không có tài-sản, chàng chỉ dùng đức-độ mà cảm-hóa quần - chúng. Như thế ta đủ thấy giá - trị con người không phải nơi giai - cấp mà cần nơi tư-cách. Song muốn đủ tư-cách của một con người, không chỉ hơn ta dùng tinh-thần từ-bi và 5 điều cấm - giới của Phật đã dạy làm kim chỉ-nam để đi đến một cuộc đời tươi đẹp.

Đức Phật dạy : « Hỡi các con ! Hãy tỉnh dậy ! Hướng về lẽ phải, dẹp - bỏ lòng dục - vọng, giữ - gìn 5 điều cấm-giới, chỉ có vậy thôi, đừng nói chi xa - xuôi, cũng đủ làm cho các con sung - sướng và đời các con tươi - đẹp ».

*Phỏng dịch trong  
« Đại Tạng Kinh »*

THÈ - QUÁN

Chi tiết về

# LỄ cung-nghinh Ngọc Xá Lợi CỦA ĐỨC PHẬT Ở HUẾ

Cách đây ba năm, dân chúng miền Nam nước Việt cũng như toàn thể Phật tử Cao-mên đã được diễm-phúc cung-nghinh và chiêm-bái ngọc Xá-Lợi của đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni. Diễm-phúc đặc biệt ấy, đã làm cho toàn thể Phật tử miền Trung, ao ước, trông mong sẽ cũng được cung-nghinh và chiêm-bái như các bạn miền Nam.

Lòng ao ước ấy, hôm nay đã được các ban Trị-Sự Phật-Giáo Trung-Việt thực hiện một cách thỏa-mãn, và làm cho họ ghi sâu vào tâm-khảm đời đời không bao giờ xóa-nhặt, với những buổi lễ vừa qua.

Trước ngày lễ cung-nghinh một tuần, ban Tổ-chức có lên đài phát-thanh thông-cáo cho toàn thể Phật-giáo-đồ cũng như nhân-dân miền Trung được biết, để chuẩn-bị dự buổi lễ cung-nghinh Ngọc-Xá-Lợi vào ngày Phật-Đản mồng 8 tháng 4 sắp đến, vì đây là một buổi lễ xưa nay chưa từng có ở Thần-kinh.

Từ khi lời thông-cáo và chương-trình hành lễ được loan báo ra làm cho toàn thể nhân-dân miền Trung đều nao-nức, ai ai cũng trông cho mau đến ngày để được chiêm-bái Ngọc-Xá-Lợi

của Từ-phụ. Từ hôm ấy trở đi các chùa, các Niệm-Phật-đường cũng như các tư-gia Phật-tử, từ thành-thị cho đến thôn-quê, đâu đâu cũng chuẩn-bị, cờ, đèn đề trang - hoàng trong ngày lễ. Nhất là ở thành - thị tại vườn hoa Nguyễn - Hoàng, gần bên kỳ-đài Phú-vân-lâu, trước Tổng-hội-quán hội Việt-Nam Phật-Học, một lễ đài ba tầng đã được dựng lên, kiểu kiến-trúc rất mỹ-thuật. Tầng trên hết là nơi cung-trí Ngọc-Xá-Lợi, tầng thứ nhì là nơi các vị Đại-Đức Tăng-Già đứng hành-lễ, tầng dưới là chỗ của toàn - thể tín-đồ. Chung-quanh lễ-đài được trang - hoàng bằng những tràng hoa, và cờ Phật-giáo. Lúc bấy giờ, đứng dưới Đài nhìn lên, thấy hình như ánh hào - quang của đức Phật ẩn - hiện đâu trên chín tầng mây chiếu xuống, mặc dù Lễ-đài chỉ cao trên mười thước mà thôi.

Bên kia Cồn-hến làng Phú-xuân cũng chẳng kém gì, nơi đây một tháp đèn chín tầng được dựng lên, hàng nghìn ngọn đèn đủ màu sắc, dùng để trang-hoàng ngôi tháp này. Trên chót tháp một lá cờ Phật - giáo hiên-ngang bay phất - phới theo chiều gió trên mặt giòng nước sông Hương, và khắp cả thành-thị cũng như thôn - quê, đèn, cờ bay phất-phới, "hương - án, quyền - môn, đều được lòng thành chung-dựng khắp các nẻo đường.

Đến ngày mồng 7 các chùa và Niệm-Phật-đường, đều khai kinh cử - hành lễ Đản-sanh lần thứ 2.518, của đức Từ-phụ Thích Ca - Mâu - Ni và đua nhau tấp-nạp kéo về thành-phố để dự lễ cung-nghinh.

Mới mười tám giờ rưỡi từng rùng đèn được mọc lên hầu khắp các ngã đường trong thành - phố, tỏa ánh sáng như ban ngày. Người đi xem chen chân không lọt, và đông nhất là ở vườn hoa Nguyễn - Hoàng, nơi đây có hàng mấy vạn người, đủ các tầng lớp trong dân - chúng cũng như màu da, đang đứng dưới ánh sáng hàng mấy trăm ngọn điện của Lễ - đài, để ngắm cái vành hoa do nhiều công-phu trang - sức, và chiếc lâu xinh



xinh hy hữu đã xuất-hiện ở Thần - kinh. Nhưng không những ở đây thôi, các bạn hãy theo tôi, qua cầu Nguyễn - Hoàng lên đường Nam-giao để ngắm hai đô-hội đông-đúc trong ngày lễ ; đó là chùa Báo-Quốc và Từ-Đàm.

Đầy Phật - học - đường Báo - quốc, đèn đuốc sáng như ban ngày, xe cộ ra vào tấp-nập, hàng mấy trăm ngọn điện sáng chói, được thắp lên trong con đường Dương-liêu sầm-uất trước cửa chùa. Trải qua hai tầng tam cấp khá cao, là chiếc cửa Tam-quan cũ-kỹ, được trang-hoàng bằng những chiếc đèn giấy, đủ kiểu, đủ màu, trông rất ngoạn - mục. Trước sân chùa hai giày đèn điện được kéo từ cột cờ xuống thềm sân. Trong chùa hàng trăm ngọn điện đủ màu sắc đua nhau tỏa ánh sáng. Đặc - biệt nhất là hai tràng hoa sứ, trang-hoàng trước Bửu-điện, xông lên những làn hương hòa lẫn với hương-trầm ngào-ngạt. Mới bước vào chắc không riêng gì tôi, mà các bạn cũng công-nhận đây là một cảnh-giới trang-nghiêm.

Giờ rước đèn của Khuôn Tịnh-độ Từ-đàm đã đến, các bạn hãy cùng tôi qua chùa Từ-đàm dự lễ. Con đường Nam-giao đã đổi thành một quang-cảnh khác thường, từ cầu Bến-ngự lên đến Từ - đàm hai dãy đèn đã được thắp lên sáng-rực, xen lẫn các quán-com chay, giải-khát, mọc lên lờ - nhờ hai bên vệ đường, người ra vào tấp-nập.

Từ - đàm cũng như các ngôi chùa khác, nhưng đặc - biệt hơn, nơi đây sẽ là nơi tôn-trí Ngọc Xá-Lợi trong ba ngày 7, 8, 9, để tín-đồ xa gần chiêm-bái, cho nên quyền-môn, cờ-xí, hương-án và hàng mấy ngàn ngọn điện, đủ màu sắc được trang-hoàng trước chùa và trên hai cây cổ-thụ, tỏa ra một thứ ánh sáng mát dịu, làm cho cảnh chùa càng tăng thêm hùng-vĩ. Đêm đến, đứng xa xa trông vào thật như một cảnh lạ-lùng.

Trước Từ-đàm, đi qua khỏi một quyền-môn, cũng là những



quán cơm chay la liệt, tiến tới ít bước nữa là đến ngôi chùa Linh-quang. Trụ-sở của Giáo-hội Tăng-già, cũng quyền-môn, cũng đèn điện, và dọc theo đường vào chùa hai dãy đèn đủ các sắc, cửa Tam-quan, trong sân chùa, trên điện Phật, đầu đầu cũng thấy đèn điện 5 sắc, xen với cờ Phật-giáo, với lá cây, tràng hoa thật đẹp.

Đúng hai mươi giờ hàng nghìn Phật-giáo-đồ và thanh thiếu niên Phật-tử cầm đèn đi dạo quanh các ngã đường Phan-Bội-Châu, Bến-Ngự v. v. . . mãi đến hai mươi hai giờ ba mươi bốn rước đèn bắt đầu chấm dứt.

Ngày mồng tám mới năm giờ sáng, cùng khắp các ngã đường trong thành-phố từng đoàn Phật-tử, tay cầm cờ, biểu-ngữ tấp-nập kéo về Lễ-đài ở vườn hoa Nguyễn-Hoàng, các xe-cộ của ban Tổ-chức đều trưng cờ qua lại không ngớt trên các ngã đường, thật như một đô-thị dành riêng cho Phật-giáo.

Như chương-trình đã loan-báo, đúng bảy giờ ngày mồng tám, lễ cung-nghinh Ngọc Xá-Lợi cử-hành tại chùa Diệu-đế, lên Lễ-đài và cung-nghinh lên chùa Từ-đàm.

Ba hồi chuông trống bát-nhã vừa chấm dứt, bát-âm tiếp cử nhạc cổ. Ngài Hòa-thượng Pháp-chủ và các vị tăng-túc trong Giáo-hội cung-nghinh Ngọc Xá-Lợi và Kim-tượng sơ-sanh, ra hai chiếc xe hoa đang đợi trước cửa chùa, theo sau là hai đoàn Thích-tử Tăng, Ni của hai Phật-học-đường Báo-quốc và Diệu-đức.

Nơi đây hàng mấy ngàn nam-nữ thanh-niên Phật-tử, hướng-đạo-sinh, ban Tổ-chức. . . . mười một chiếc xe hóa sắp thành hàng để cung-nghinh Ngọc Xá-Lợi lên Lễ-đài. Sau khi tôn-trì Ngọc Xá-Lợi trên xe hoa xong, ba hồi chuông trống bát-nhã lại cử lên, đoàn cung-nghinh bắt đầu khởi hành, thành-kính trang.

nghiêm, trật tự, từ từ tiến lên cầu Gia-hội qua đường Trần-Hung-Đạo và lên Lễ-đài.

Đi đầu là một lá cờ Phật-giáo, kế đó là một biểu-ngữ : Cung-nghinh Ngọc Xá-Lợi, tiếp đến một châu-án che hai lọng vàng, và trên án là một pho-kinh, tượng-trung cho Pháp-thân Xá-Lợi của Đức Phật và tiếp theo là xe hoa kim-tượng sơ-sanh tượng-trung ngày lễ Phật-đản, theo sau hai đoàn Tăng, Ni, mình khoác y vàng chấp tay đi một cách thành-kính. Mới nhìn đến, tôi tưởng ngay đây là những ngày đức Phật còn tại-thế, cùng các đệ-tử đi khất-thực trong thành Xá-vệ ở nước Ấn-độ. Kế đấy xe hoa Ngọc Xá-Lợi và theo sau là nam-nữ tín-đồ.

Đến tám giờ ba mươi đoàn cung-nghinh đã đến Lễ-đài, nơi đây người đông như kiến-cỏ và cả một rừng cờ biểu-ngữ nổi lên bay phất-phới.

Hòa-thượng Pháp-chủ, Hòa-thượng Thuyền-tôn và các vị hượng-tọa cung-nghinh Ngọc Xá-Lợi tôn-trí trên Lễ-đài, đề toàn thể Tín-đồ chiêm-bái.

Trước làn khói trầm-hương xông lên nghi-ngút, là một Bửu-tháp bằng vàng, có lồng gương, bên trong Bửu-tháp một Đài sen vàng nhỏ là nơi an-trí Ngọc Xá-Lợi của đức Từ-phụ.

Sau khi Ngọc Xá-Lợi được tôn-trí xong, một vị Pháp-sư đại-diện ban Tỏ-chức, ra trước máy phóng-thanh đọc một bài diễn-từ ngắn, nói về ý-nghĩa buổi cung-nghinh và sự-tích Ngọc Xá-Lợi. Sau đó, Ngài Hòa-thượng Pháp-chủ làm lễ chiêm-bái chánh-thức, và cùng toàn thể tín-đồ nhập từ-bi quán trong hai phút, đề cầu-nguyện cho nước Việt-Nam cũng như toàn thể thế-giới chóng được an-lạc, tiếp theo đây toàn thể tín-đồ đồng-thanh niệm 10 lần danh hiệu của đức Bốn-Sư và bốn hoằng-thệ nguyện : Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ ; Phiền-não vô tận thệ nguyện đoạn . . . .

Đến chín giờ ba mươi buổi lễ chiêm-bái tại Lễ-đài chấm dứt, Ngài Hòa-thượng Pháp-chủ cung-nghinh Ngọc Xá - Lợi ra xe hoa, đoàn rước từ từ khởi-hành.

Ở đây toàn - thể tin-dồ sáp - nhập vào các khuôn Tịnh - độ mỗi Khuôn một lá cờ lớn, và một biểu-ngữ đi đầu, hợp thành nhiều khu-vực, mỗi khu-vực có một xe hoa, do các khuôn hợp nhau kết thành. Cũng vì thế nên chúng ta thấy cứ một đoàn người là có một xe hoa xen vào.

Đi đầu đoàn cung-nghinh là một thanh - niên Phật-tử cầm cờ Phật-giáo, ba chữ châm-ngôn của gia - đình Phật - tử : Bi, Trí, Dũng và con Bạch - tượng sáu ngà của đoàn thanh thiếu - niên Phật-tử. Làm cho mọi người cảm - động và chú ý nhất là xe Bảo-tháp của Khuôn Tịnh-độ Vĩnh-xuân. Ngài Đại-Ca-Diếp khoác một chiếc Y vàng, cúi mình rơi lụy dưới hai bàn chân của đức Từ-phụ ở trong Bảo - tháp đưa ra. Những biểu-ngữ được nêu lên đều là những câu châm - ngôn cho mọi người muốn kiến-tạo thế-giới hòa-bình : « Tâm bình thế-giới bình » — « Xá - Lợi ở đâu là hòa - bình ở đấy » — « Nguồn - gốc của chinh-chiến là dục-vọng » — « Phật-giáo là nguồn tin-tưởng của nhân-loại » ...

Số người đi dự buổi lễ, cung - nghinh này, có thể gọi rằng xưa nay chưa từng có tại Huế, đến nỗi đầu đoàn đã đến nơi chùa Từ - Đàm mà số người ở vườn hoa Nguyễn - Hoàng vẫn còn đầy - đầy, theo các nhà quan - sát ước - lượng trên hai mươi vạn người. Trong đây chúng tôi nhận thấy đủ mặt các tầng-lớp dân-chúng ở Thần-kinh tham-dự : Học-sinh, hướng-đạo-sinh, thiếu - sinh quân, binh - sĩ, Hoa-kiều, ấn - kiều, ..... già cũng như trẻ đều hết lòng thành - kính, mặc dù dưới ánh nắng mùa hè oi - ả, nhưng trong gương mặt bao giờ cũng tỏ vẻ thành-kính hân-hoan giữ đúng trật-tự.

Đến mười một giờ bốn mươi, đoàn cung - nghinh đã đến chùa Từ-Đàm. Trước sân chùa các vị tôn - túc và các tăng - già trong Giáo-hội sắp thành hai hàng, đề cung - nghinh Ngọc Xá - Lợi vào Bửu-điện. Sau khi Ngài Hòa-thượng Pháp-chủ tôn - trí Ngọc Xá-Lợi trên Bửu-điện xong, toàn-thể Tăng - già hành - lễ, tiếp-theo đẩy quý thầy ban Tô - chức và các vị Tăng - già thay phiên nhau phụng-hậu Xá-Lợi mỗi giờ hai vị, và nhân-dân chiêm-bái, cho đến chiều ngày mồng chín mới bế-mạc.

Tối ngày mồng tám lúc mười tám giờ khắp các ngã đường trong thành-phố đều cử-hành lễ rước đèn, trên mặt sông hương, hàng mấy mươi vọn ngọn đèn được thắp lên làm cho giòng sông trở thành một giòng ánh sáng ngũ sắc, từ chùa Linh-Mụ cho đến tận Bao-vinh.

Đặc sắc nhất là trong ngày Phật-dẫn năm nay là hầu hết các lò sát - sanh từ thành - thị cho đến thôn-quê đều ngưng hoạt-động, để thực-hành hạnh Từ-bi, Bình-đẳng của chư Phật. Cho nên các loài cầm-thú đều được vui-vẻ sống một ngày sống tự - do, vui thú, không ôm lòng sợ-hãi, trước cảnh máu chảy đầu rơi, hay ghê-tởm trước vạc nước sôi sùng-sục của lò sát, như những ngày lễ kỷ - niệm linh-đình khác.... và chợ, đồ không lấy thuế.

Ngày Phật - dẫn, lễ cung - nghinh Ngọc Xá-Lợi đức Phật năm nay, thật là một lễ mà ai ai cũng phải bàn-tán, là một lễ xưa nay chưa từng thấy ở Thần-kinh.

Nhưng buổi lễ cung-nghinh Ngọc Xá - Lợi này, cho chúng ta nhận chân được lòng ham-mộ của dân-tộc Việt - Nam đối với đạo Phật, cũng như tinh-thần đạo Phật đã ăn sâu vào tâm-khảm của dân-tộc như thế nào rồi.

Không riêng ở Huế mà thôi, sau ngày Phật-đản các tỉnh miền Trung, như Nhà-trang, Đà-lạt, Phan-rang..... đều cử hành lễ cung-nghinh Ngọc Xá-Lợi một cách trọng-thê, dân-chúng tham-dự ðòng-ðáo không khác gì Thần-kinh. Thật không trái với câu biêu-ngữ ðã nêu lên trong buổi lễ cung-nghinh « Xá-Lợi ở ðầu, là Hòa-bình ở ðấy ».

*Ðời Hàm-Long mùa sen nở.*

H. S.

(Liên-Hoa vừa nhận ðược tin ðà-nẵng, Quảng-Nam, Quảng-trị ðều làm lễ cung-nghinh Xá-Lợi của Đức Phật, các kỳ sau sẽ lần lượt ðăng tải chi tiết về các tỉnh).



Sự tích:

# ĐỨC XÁ-LỢI-PHẬT

(Tiếp theo).

## Công đức của người đối với Tam-tạng kinh-điền. (Tipitaka)

Là một đại-dệ-tử, ngài, lẽ dĩ-nhiên đã có nhiều công-đức hơn vị nào cả, đối với tam-tạng Ngài là một học-giả Luận-tạng và phần nhiều những bài giảng của của Ngài thiên về Luận.

Căn-Cứ vào bài của Luận Ahhasilani (Thù-thắng-nghĩa) do Đại-đức Buddhaghosa (Phật-âm hay Giác-âm), một nhà luận-chú có danh tiếng viết, thì toàn luận-tạng còn duy-trì đến ngày nay là do Ngài trùng-tụng lại. Bộ chú-sớ thuật lại rằng đức Điều - Ngự dạy Đại-đức Sàriputta chỉ những đầu-đề (màtikà) của các bài giảng mà Ngài đã thuyết-minh cho Chư-thiên ở cõi Trời Tam-thập-tam-thiên (Tavatimsa), Đại-đức trùng-tụng và giải-thích lại cặn-kẻ.

Về Luật-tạng, chúng ta phải đề-cập rằng chính Đại-đức, Người đã cương-quyết giữ-vững lập-trường là phải lập ngay Luật-tạng tại đó.

Phần Parajikà, (Ba-la-di) thuật lại rằng trong khi đức Phật an-trí tại Veranja, Đại-đức Sàriputta đi đến bạch Ngài về sự thăng-trầm giáo-hội của chư Phật quá khứ và lý-do tại sao.



Đức Phật đáp lại rằng Giáo-hội của các đức Phật như Kakusanda, Konagamana, và Kaosapa (1) đương độ tiến-triển, còn Giáo-hội của các Ngài như Vipassi, Sikhi và Vessabhu (2) thì đương thời-kỳ suy-bại vì Giáo-hội của các vị trước gồm có luật-lệ giá-phẩm đề duy-trì Chánh-pháp, nhưng Giáo-hội của các vị sau chẳng may không có.

Đại - đức Sariputta, người nhìn ra xa về hậu lai lập-tức đứng dậy hỏi Pháp-tọa khần-khoản bạch Phật :

— « Kính bạch đức Thế-Tôn, đức Đại-giác, nay chính là lúc Ngài nên thành-lập luật-giới, tụng là Patimokkha (giới bồn) nhờ đó Giáo-hội được trường-cửu.»

— Sàriputta hãy an-lòng chư Phật đều nhận rõ ngày giờ thích-hợp đề tụng thuyết Patimokkha. Ta sẽ thành-lập luật-tụng khi có những người trong Tăng-chúng phá giới và khi cơ-hội thuận-tiện đưa đến. »

Trong kinh - tạng, người dự một phần hết sức quan-trọng. Các nhà chủ-sớ nói chính Đại - đức Sàriputta đã góp phần rất lớn vào hai bộ kinh thuộc Khudolaka Nikaya (tiểu - bộ) đó là Niddesa (Nhân - duyên - kinh) và Patisambhidamagga (Vô-ngại-giáo-đạo-kinh). Bộ trước giải thích một nửa sau của Sutta nipata (kinh-tập) và bộ sau diễn-giải bảy mươi ba (73) trí-tuệ giải-thoát.

Rất nhiều kinh được người ta nói là Ngài thuyết và nhiều trường hợp chính đức Phật ra lệnh Ngài giảng - giải kinh cho Tỳ - kheo và cư - sĩ. Những bài giảng của Ngài rõ-ràng và phần nhiều nhuộm màu sắc triết-học.

Kinh Samacittapariyaya trong Angutara Nikaya (Tăng - nhất-A-Hàm) thì thật là một bài giảng hoàn toàn thuộc siêu-hình-học và được toàn thể chúng hội nghe tán - thán. Bài giảng này nói về thập-Triển (Ten Fetters : Sampojana).

---

(1) Tức Câu-lưu-tôn, câu-na-hàm-mâu-ni và Ca-Điếp như - lai.

(2) Tức là Tỳ-bà-thi. Thi-khi và Tỳ Diếp-la Như-lai

Còn ra nhiều buổi đàm-luận rất đáng nghiên-tầm học hỏi của Ngài với Đại-đức Maha Kothata, Anurudha, Moggallāna, Ānanda, Samidhi, Candikaputta và những vị khác. Tất cả những cuộc đàm - luận này đều có chép trong Tăng-nhất-A-Hàm.

Một buổi họ Đại - đức Amrudha (A-Nâu-Lâu-Đà) đi đến thăm Sàriputta bạch :

« Bạch Đại-đức Sàriputta, ở thế-gian này tôi dùng thiên-nhãn (Celestial Eye : Dibbacakku) thanh-tĩnh, siêu-việt nhân-gian, nhận thấy có trăm nghìn ức thế-giới — Tâm-chí nghị-lực của tôi thật là mạnh mẽ và bất-thối-chuyên, định tĩnh và không tán loạn. Thân tôi an-tĩnh không có gì quấy-phá xúc-dộng và tâm an-trú vào một cảnh. Tuy vậy tôi cảm thấy tâm tôi chưa thoát khỏi mọi phiền-phược ».

« Lành thay, Amrudha, người nói được thiên-nhãn thông, thấy rõ trăm nghìn thế-giới, thực ra người đã lằm, người nói rất tinh tiến, nghị lực bất-thối-chuyên, thực ra hơi tự phụ. Còn người nói tâm không thoát khỏi phiền-phược đó chính là phiền - não. Nếu người bỏ được ba điều kiện này, thì thật không gì quý bằng, nếu người không phiền-hà chú tâm đến chúng, trái lại định-tĩnh, quán-tướng pháp Bất-tử, người sẽ chứng quả vô-sinh không mấy chốc ».

Đại-đức Amrudha nhận lời khuyên-bảo và chẳng bao-lâu chứng A-La-Hán.

Trong Tập A - Hàm có một thiên gọi là Sàriputta Samyutta (Xá-Lợi-Phất-phẩm) chuyên nói về những lời giảng-dạy của Ngài.

Tập Trung - A - Hàm gồm những bài giảng rất hay thuộc kinh bộ (Suttanta Pitaka), có 8 bài giảng do Đại-đức Sàriputta thuyết đó là Anangani (số 5), Sammāditthi (số 9) Mahahatthipadopama (số 28), Mahavedalla (số 43), Gulissāni (số 69), Dhananjani (số 97) và Sacca Vibhanga (số 14).

Kinh Anathapindika (Cấp-cô-độc) chép lại rằng trong khi Cấp-Cô-Độc trưởng lão nằm trên giường bệnh, sai người đến báo tin cho Đại-đức Sàriputta hay là Trưởng-lão sắp qua đời và muốn được chiêm-ngưỡng người lần cuối cùng. Đại-đức Sàriputta cùng bạn đồng-hành Đại-đức Ananda đến thăm, hỏi han bệnh-tình khuyến-khích giảng dạy Chánh-pháp. Giảng xong Cấp-Cô-Độc trưởng lão khóc, nước mắt lăn trên hai gò má nhăn-nheo.

— « Đây cư-sĩ, phải chăng người buồn-nản, phải chăng người sợ-sệt ? » Đại-đức Ananda hỏi,

— « Kính bạch Đại-đức Ananda, không. Đệ-tử không chán-nản, không sợ-sệt, từ trước đến nay đệ-tử được hầu-hạ Phật, thân-cận chứng-tăng, nhưng chưa khi nào đệ-tử nghe được bài giảng thâm-thúy cảm-động như thế ».

— « Hàng cư-sĩ bạch-y thực ra khó lòng mà am-tường những bài giảng như thế này, chỉ có ai xuất-gia, bỏ trừ giây luyến-ái gia-đình mới hiểu giáo-lý đó được ».

(Còn nữa)

# THƠ - TÍN

Liên-Hoa mở mục thơ-tín, để làm giây liên-lạc giữa các độc-giả và tòa-soạn. Liên-Hoa sẽ xin phúc-đáp tất cả các câu hỏi về đạo-lý hầu mong giúp các độc-giả rõ thêm giáo-lý nhà Phật trên đường tu học.

Dưới đây là bức thơ của Hàn-Thơ cư-sĩ, tiếc vì không đề rõ địa-chỉ nên Tòa-soạn không biết nam hay nữ cư-sĩ. Nhưng dù nam nữ cũng là Phật-tử, đã có tâm hộ-pháp, ủng-hộ Liên-Hoa Văn-Tập. Tôi xin thay mặt Tòa-soạn, niệm Phật cầu gia-hộ cho vị Độc-giả miền Nam tinh-lần trên đường đạo.

x x x

**NGUYỄN - VĂN :** Kính Bà Quản - lý Tòa . soạn L. H. V. T .

Hàn-hạnh được đọc từ Liên-Hoa Văn-Tập qua lời giới-thiệu của thầy giảng-sư Thích-Huyền-Vi, tại chùa Ấn-quan P.H.Đ. Nam-Việt. Tôi rất hoan-nghênh tôn-chủ của nguyệt-san.

Tôi ước-ao tập Liên-hoa đã hay rồi, càng thêm cố-gắng, hầu thấu được kết quả mỹ-mãn hơn.

Theo đây tôi xin họa bài thơ, gọi là góp phần mảy-mọn trong công việc ích chung và rất mong được bà chỉ-giáo thêm về giáo-lý trên đường đạo. Tôi rất thâm-cảm.

Họa bài « Ngày xuân lặng chị em phụ-nữ » của bà Diệu-Không, số Liên-Hoa tháng hai năm Ất-mùi.

## HỌA - VĂN

Văn xuân liên-lạc khách đôi nơi,  
Cảm-tạ riêng khen bậc thức-thời.  
Lóng-lánh thiếu-quang lồng sắc nước,  
Lơ-thơ tơ liễu đượm hương trời.  
Xuất-gia theo Phật lòng hoan-hỷ,  
Nhập-thế tu Tâm mới bảo-hoài.  
Diệu-pháp trau-dồi nhi-nữ nguyện,  
Cùng nhau đào-tạo đấng hiền-tài.

Hàn - thơ

**T. B.** Ước được lãnh - hội ở Bà nhiều điều hay trên đường đạo. Trân-trọng kính chào Bà.

x x

**PHÚC - ĐÁP :** Theo lời thơ này ý hay, nhưng vẫn chưa thuận tôi xin sửa đôi chữ, xin độc-giả hoan-hỷ. Từ đây độc-giả cần hỏi gì, Tòa-soạn xin vui lòng phúc-đáp.

Hai bài sau sẽ xin sửa và đăng kỳ sau.

T. S.

# ĐỜI

## Đáng yêu hay đáng ghét ?

Ừ, nếu có ai các-cớ hỏi: đời đáng yêu hay đáng ghét? Chắc không biết trả lời cách nào.

Đời là gì? Trước khi trả lời ta cần suy-luận chữ đời là sao.

Đời, nói theo nghĩa thông-thường, là một khoản từ khi sanh ra đến khi chết, gọi là hết đời, rồi đời... Trong khoảng ấy không nhất-định lâu hay mau, ngắn hay dài, nếu thuận theo thời-gian kiếp này mà nói, thì vào khoảng trăm năm là cùng, mà thật ra cũng ít ai sống đến trăm tuổi.

Đời đáng yêu hay đáng ghét?

Phái bi-quan cho đời đáng ghét; họ nhận thấy đời là một bề khổ mênh-mông nên họ chán đời, muốn tránh đời, họ tìm những nơi yên-tĩnh ẩn-dật cho qua ngày đoạn tháng; họ thấy đời dài quá, và đời dài bao nhiêu họ khổ bấy nhiêu, rồi họ hành-hạ đày-đọa xác thân họ cho mau chết, cho mau rồi đời.

Trái hẳn, phái lạc-quan cho đời đáng yêu, đời là một ân-huê nếu mất nó đi thì nguy to, buồn hết chỗ nói. vì thế họ tha-thiết yêu đời; rồi họ muốn khuếch-trương đời họ cho rộng to, họ còn muốn đời vợ họ hoặc chồng họ cho đẹp cho oai, con họ cho ngoan cho hiếu, rồi nhà cao cửa kín nữa và, muốn thế thì phải cạnh-tranh; một khi lòng cạnh tranh nổi dậy, thì giàu-có rồi còn ưa giàu-có nữa, sang-trọng rồi còn muốn sang-trọng thêm. Nên đó để ra chủ-nghĩa khoái-lạc, đến nỗi vợ bỏ chồng, con mắng cha, đuổi mẹ, anh em giết hại lẫn nhau, mất cả cương-thường luân-lý. Họ chỉ muốn làm sao cho đời họ, vợ chồng, con-cái họ được sung sướng, ngoài ra không còn nghĩ gì đến ai, cho đến cha mẹ là người đại ân của họ, họ cũng làm lơ, nuôi cha mẹ họ một tháng họ đã nhần-nhó thờ-than; mà cung-phụng cho vợ hay chồng họ, thì khổ mấy cũng hy-sinh. Họ muốn khuếch-trương đời họ cho rộng bao nhiêu, thì họ lại muốn phá-hoại đời kẻ khác bấy nhiêu.



Những khi họ ngồi trên xe hơi bóng-nhoàng bên người vợ đẹp, bên đàn con ngoan, vợ họ đeo hạt xoàng thật lớn, chồng họ mặc âu-phục thật sang, đời họ lúc ấy cũng đáng yêu thật đấy. Vì lúc ấy là cả một bài thơ đẹp kia mà.

Nhưng một khi lòng dục-vọng nổi dậy, họ ưa chuyện này còn ưa chuyện khác, rồi họ hoặc nằm xo-ro bên bàn thuốc phiện ngắt, ngẫu nhiên trong quán rượu tiệc trà, hay say-sưa theo con bài là bạc, rồi nợ đời, rồi bán nhà, rồi ngồi tù vân vân... thì lúc ấy đời họ là một ách-nạn, một tai-hại, chẳng những đáng ghét mà lại đáng thù nữa.

Vậy ai làm cho đời đáng yêu? Ai phá-hoại cho đời đáng ghét?

Hóa-công ư? tại trời hay tại ông Thổ - địa?

Đạo Phật khác hẳn hai phái trên. Đạo Phật không ghét cay, ghét đắng đời như phái bi-quan, nên họ không hành-hạ xác thân, không ở lý trong rừng núi, mà họ thường sát-cảnh với muôn loài.

Họ cũng không yêu đời thiết-tha như phái lạc-quan, nên họ không khuếch-trương đời họ cho to rộng, để làm hại đời ai. Nhưng đạo Phật vẫn cảm-thông với đời; đem đời cá-nhân của mình hòa đồng cùng đời chung của quần-chúng, lợi-dụng đời hiện-tại để làm các việc phải. Người con Phật chơn-chánh không đeo hạt xoàng sáng lóa, nhưng tâm-hồn họ là một khối kim-cương nhẹ tỏa ánh-sáng từ-bi hỷ-xã. Thân họ không dùng qua tư-lựa, nhưng tấm lòng họ thương yêu tất cả chúng sanh, còn mến-dị hơn nhưng, tươi đẹp hơn gấm. Đời như vậy chẳng những đáng yêu mà còn đáng quý nữa.

Ta nhớ thuở xa xưa khi đức Phật còn tại thế. Một hôm Ngài đi giữa đồng hoang, gặp một đồng xương khô, đức Phật liền cúi xuống đánh-lẽ. Tôn-giả A-Nan lấy làm lạ mới bạch Phật: «Kính lay đấng Đại-Giác, Ngài là bậc toàn-đức, toàn-trí, làm ruộng phước cho chín loại chúng sanh đánh lẽ. Vậy cơ sao hôm nay Phật lại đánh lẽ đồng xương khô kia?»

**Phật dạy :** «*đồng xương này là tiền thân của ta, đời ấy là nhờ nó mà làm được nhiều phước - thiện lợi - lạc cho tất cả chúng sanh, không một việc phước nhỏ nào ta bỏ qua, không một việc ác nhỏ nào ta dám phạm ; tất cả các công-đức ta đều nhờ đồng xương khô này mà thành-tựu, vì thế nên ta đánh-lẽ*».

*Xem thế thì đời đáng ghét hay đáng yêu, không phải tại ai mà chỉ tại mình vậy.*

*Một dẫn-chứng rõ-ràng cho chúng ta thấy : còn gần lắm, cách đây mấy tháng, một chút xương của Phật không lớn bằng hạt gạo mà tất cả 650 triệu người ước-ao nao-nức cung-chiêm đánh-lẽ cho được, xa mấy cũng đi, khó mấy cũng đến. Có ai chết đã gần 3.000 năm mà hằng triệu người không thần-thuộc còn khóc sụt-mướt như mưa ? Đời như thế đâu phải đáng ghét ? đáng thù ?*

*Vì thế đạo Phật chẳng những không chán-ngán cuộc đời trăm tuổi, mà còn ao-ước hết đời này qua đời khác luôn luôn tiến mạnh trên đường Đạo để phục-vụ chúng-sanh.*

*Nếu chúng ta biết lợi-dụng đời của chúng ta trong khi thân chưa bệnh, tuổi chưa già, đời còn vô-sự, đem cái khoảng thời-gian mấy mươi năm đó để làm việc lợi-ích cho mọi người xung-quanh. Nếu được một cuộc đời như thế, thì ta đâu không yêu đời, nhưng đời vẫn yêu ta, đời yêu ta mãi mãi...*

CAT - TUỜNG

# PHẬT - GIÁO

I. — **TÁM NẠN** : Địa - ngục, ngã-quỷ, súc - sanh, trường-thọ-thiên, bắc-cu-lô-châu, sanh trước Phật hay sau Phật, thế-tri-biện - thông và những người đui, điếc, câm, ngọng.

Sở dĩ gọi tám thứ này là 8 nạn, vì trong 8 chỗ này, nơi thì quá đói khổ, ngu-si không học Phật-pháp được (Địa - ngục, ngã-quỷ, súc - sanh) chỗ lại sống lâu hoặc sung - sướng quá nên họ cũng không cần học Phật - pháp, hay không có Phật - pháp, (Trường thọ-thiên, Bắc - cu - lô - châu). . . Tóm lại, vì có những chướng-ngại ấy nên không gặp được Phật và nghe chánh-pháp để tu - hành gọi là 8 nạn.

II. — **NGŨ NGHỊCH** : 1) Giết cha ; 2) Giết mẹ ; 3) Giết A-La-Hán ; 4) Phá - hòa - hiệp - tăng (làm cho tăng-chúng bị tan rã) ; 5) Làm thân Phật chảy máu (như phá tượng huỷ Phật).

III. — **NGŨ MINH** : 1) Nội minh : thông - hiểu ba tạng kinh-diễn của Phật dạy. 2) Nhân minh : Biết cách luận-lý đúng-dắn. 3) Thanh minh : Biết các thứ sinh - ngữ. 4) Y - phương - minh : hiểu tất cả các phương thuốc để đối-trị mọi bệnh căn. 5) Công - xảo - minh : biết hết những nghề - nghiệp của đời.

IV. — **XIÊN-ĐÊ** : tiếng Phạn, Tàu dịch **bất-cụ-tín-căn** :

nghĩa là những người độc-ác không có lòng tin kính Tam-bào.

V.— **NGŨ-LỢI SỬ** : Thân-kiến, biên-kiến, tà-kiến, kiến-thủ và giới-cấm-thủ.

1) **Thân-kiến** : Chấp thân này là chắc thật, rồi tìm mọi cách để cung dưỡng nó, do đó gây tai-hại cho mọi người xung-quanh

2) **Biên-kiến** : biên : bên ; kiến : sự hiểu biết ; nghĩa là sự hiểu biết thiên về một bên, như : chấp thân này sau khi chết là hết (đoạn-kiến). Hoặc chấp thân này chết rồi vẫn có một linh-hồn bất-tử, quy-nhất để lãnh sự thưởng phạt đời đời trên thiên-đàng hay dưới hỏa-ngục (thường-kiến).

3) **Tà-kiến** : Hiểu biết sai lầm, tà vậy như : không tin nhân-quả, tội phước. Trái lại, còn bảo đời là một bữa tiệc, cần phải tận-hưởng cho thỏa-mãn hay nói : phải, trái, lành, dữ... trước sau cũng một lần chết cần chi phải kiêng-cử cho nhọc, xác. Đó đều là những người tà-kiến gây đau thương cho loài người không ít.

4) **Kiến-thủ** : Cố-chấp lấy sự hiểu biết của mình, mặc dù sai không chịu dung-hòa với lẽ phải.

5) **Giới-cấm-thủ** : Chấp thủ những giới cấm sai lầm của vị Giáo-chủ mình ban-chế như : nhịn đói, cử ăn mỡ, đứng co một chân bên đồng lửa, nằm trườn mình giữa nắng thiêu, thờ bô, heo...

Năm món này sở-dĩ gọi : « Lợi-sử » là vì rất dễ đoạn-trừ, nếu một-khi được gặp thầy hiền bạn tốt chỉ dạy.

THÍCH-CHÁNH-LẠC

# TIN - TỨC PHẬT - GIÁO

Thầy Thích-Minh-Châu được Giáo-hội Tăng-Già Trung-Việt cử đi du-học Phật-pháp tại Tích - Lan đã được Phật - học - đường Dharmaduta Ashrama Vidyalaya ở Tích - Lan thâu-nhận từ tháng 6 năm 1952 — Đã học xong chương-trình 3 năm, gồm các môn Anh - văn, Sanscrit, Pali và Đạo Phật nguyên-thỉ, đặc biệt giỏi nhất về Luận tạng.

Ngày 7 - 7 - 1955 Thầy đã được trao tặng văn-bằng với chức Saddhammacariya (Pháp-sư).

Thầy sẽ qua Diển-Điện tu-học thiết-hành nhiều môn trong 3 tháng, rồi sẽ qua Ấn-độ chiêm-bái các Phật - tích, xong sẽ trở về nước vào đầu năm 1956.

## MỸ - QUỐC

### Chương-trình cứu-tế xã-hội Phật-giáo tại Fresno

Một trong những mục-phiêu đã được đem ra thực-hành nhân lễ kỷ-niệm cầu-niên năm thứ 50 của Hội Phật-giáo Fresno Betsuin. Hội này 2 năm trước đây đã mua một chỗ đất rộng trước kia là trường Tiểu - học, để dựng nhà dưỡng-lao. Công việc này trước hết được Chi-nhánh xã-hội Betsuin và Byakudo-kai, một hội Phật-tử lớn tuổi phần lớn là Kibei (Chính hội Byakudokai trước đây đã giúp quạt điện cho phòng chữa bệnh ho lao tại nhà thương Fresno County General Hospital) đảm nhận.



## Lễ đệ-nhi chu-niên của Cetuya tại Sanchi và lễ đặt đá nhà Pháp - đường.

Sự cố-gắng đáng khen ngợi của Chính-phủ Bhopal và Hội Mahabodhi ở Ấn-độ cốt hiến dương xú huy-hoàng rực-rỡ của Sanchi xưa đã thành công. Công việc đầu-tiên trong nhiệm-vụ này là xây-dựng chùa Cetuya Vihara do Hội Mahabodhi đảm-nhận với sự giúp-đỡ cộng tác của Chính-phủ Bhopal. Hai năm đã qua công việc tiến-hành một cách hết sức mau chóng để trùng-tu lại ngôi chùa lịch-sử này. Chính-phủ địa-phương Bhopal đã ra công thành-lập những ban cộng-sự và những chương-trình cốt làm cho dân-chúng được thêm phần lợi-lạc. Trong những chương-trình này đáng kể nhất là Hội Canh-nông, Trường Janata, nhà cù-ống - đường v. v. . . Số tiền chi-phí phần lớn được Chính-phủ gánh-vác giúp-đỡ, còn Hội thì giúp vào một số tiền là Rs. 25.000 để lập trường Janata. Từ một đám rừng rậm um-tùm nay đã trở thành trung tâm của hoạt-động kỹ-nghệ, văn-hóa v. v. . . và chúng tôi tin-tưởng rằng chỉ trong vòng vài năm, nơi đây sẽ tái-hiện một vài huy-hoàng rực-rỡ xưa.

Ngày 29, 30 tháng chạp vừa rồi đã cử hành lễ Đệ-nhi chu-niên một cách trọng thề. Nhân dịp ấy Hội đã mở hòm Xá-lợi của Ngài Xá-Lợi-Phất và Mục-kiền-Liên cho dân chúng chiêm-bái. Đồng thời Chính-phủ có mở cuộc trưng bày về kỹ-nghệ và nông-nghiệp. Hàng nghìn dân chúng được dịp may; nô-nức đến lễ Xá-lợi và xem triển-lãm.

Cũng trong dịp này Hội Mahabodhi Tích-Lan vì muốn cho các du-khách đến chiêm-bái xú Phật được nhiều tiện lợi nên đã cử-hành lễ đặt đá nhà Pháp-đường. Đại-dức H. Pannatissa, trú-trì ngôi chùa Vihara đã quyên được một số tiền là Rs. 500.000.

Tổng-trưởng Bộ Nội-vụ, bác-sĩ C. W. W. Kannangara của Tích-Lan đáp máy bay từ Tích-Lan sang để dự lễ đặt đá, giữa những nhân-vật quan-trọng dự buổi lễ ấy chúng ta thấy có ông Sri Bhagawan Sahai, trưởng phái bộ bác-sĩ S.D. Sharma, trưởng Bộ-trưởng và những nhân-hào thân sĩ khác.

Trong bài diên-văn, Bác-sĩ Kannagara nói rằng dân chúng Tích-Lan rất nhớ ơn dân - tộc Ấn-độ đã truyền bá Đạo cao cả từ - bi của đức Phật, người con bất-diệt của Ấn-độ. Ông nhắc lời nói của Rajagopalachari cho Đạo Phật là « hòn ngọc sáng ngời nhất của vương - mào Ấn - độ » . và cho rằng dân tộc Tích-Lan và dân tộc An-độ là anh em lâu đời.

Bác sĩ S. D. Sharma cũng cùng chung một ý - kiến như bác - sĩ Kannagara. Bác-sĩ A. Ratanpala, Thủ-quý của Hội Mahabodhi, Tích-Lan tuyên bố công việc xây dựng sẽ hoàn thành sang năm. Buổi lễ hết sức long trọng, đèn đuốc sáng-choang, dân chúng đến dự thật hết sức đông-đào. Công việc sở-dĩ được thành-tựu như ngày hôm nay phần lớn nhờ Hội Mahabodhi, chính - phủ Bhopal và Thầy Trú-trì chùa ấy.

### **Trung-tâm văn hóa Tây-tạng-Bharati thành-lập**

Kalimpong, một trong những trung-tâm Phật-giáo Ấn-Độ, gồm có nhiều người Tây-tạng cư-trú. Vì xa Tò-quốc lâu ngày và vì ảnh-hưởng không tốt của những trường đạo Thiên - chúa nên nhiều người không thông-thạo tiếng bản xứ và kinh-diền xưa của xứ họ. Vì muốn bồi-khuyết nhược-diểm nói trên nên trung-tâm văn hóa Tây-Tạng-Bharati đã thành lập, Mục-dích chính của Trung-tâm này là mở trường học Tây - tạng, mở khóa giảng-giải Đạo Phật thường-xuyên bằng chữ Tây-tạng, chữ Népal, chữ Anh và những thứ chữ khác, tổ-chức những buổi khánh-dân, lập thư-viện Tây-tạng và huấn-luyện những giáo-sư Tây-tạng. Đại-đức Dhardho Rinpochhe và Đại-đức Thethong Rinpohhe là Hiệu-trưởng trường này. Ông Lobsang Phuntsok Lhalungpa là thư-ký. Hai lớp học Tây-tạng đã mở và số học-sinh nam nữ càng ngày càng đông. Chúng tôi rất lấy làm sung-sướng nhận thấy những người Tây-tạng cư-trú tại Ấn-Độ rất quan-tâm đến việc này và mong muốn Chánh-pháp sẽ sớm trở về với những kẻ thuần-thành này.

### **Buổi tiếp - đón Phái - đoàn Phật - giáo Nhật - bản.**

Ngày mồng mười tháng chạp vừa rồi Hội Mahabodhi vừa làm lễ

đón tiếp Phái-đoàn Phật-giáo Nhật-Bản gồm tất cả 40 vị do bác-sĩ Shodo Taki cầm đầu. Các vị này, đến chiêm-bái các Thánh-tích tại Ấn-Độ. Buổi đón rước này do bác-sĩ Radha Benod Pal làm chủ-tọa.

Bác-sĩ trong bài diễn-văn chào mừng, nhấn mạnh đến sự thân-thiện mật-thiết giữa các dân-tộc, thúc đẩy hàn gắn những đau-thương, thù-hằn của nhân-loại, gắng phát-huy động-lực tinh-thần hồng đem lại hạnh-phúc cho loài người, hy-vọng Nhật-Bản sẽ phục hồi Phật-giáo làm quốc-giáo như xưa.

Ông D. Valisinha, Tổng thư-ký của Hội tán-thán phái-đoàn và hy-vọng từ nay về sau sẽ có nhiều Phật-tử Nhật-Bản đến đây chiêm-bái.

Bác-sĩ Taki đáp-từ tuyên-bố dân-tộc Nhật-Bản 80 phần trăm là Phật-tử. Ông nhắc đến giây liên-lạc mật-thiết về văn-hóa và tôn-giáo giữa Ấn-Độ và Nhật-Bản cùng nói rõ rằng hiện nay những trường Đại-học ở Nhật-Bản môn Phạn-văn-học (Sanskrit) và triết-học Ấn-Độ được bành-rướng mạnh và số sinh-viên tham học càng ngày càng đông.

Người cũng không quên nhấn mạnh sự liên-lạc mật-thiết giữa Ấn-Độ và Nhật-Bản về văn-hóa và tôn-giáo sẽ đưa lại nhiều kết quả tốt xây-dựng hòa-bình an-lạc cho thế-giới.

# MỤC LỤC



	Trang
1) VÀNG NGỌC PHẢI CHĂNG LÀ HẠNH - PHÚC	3
2) LỊCH-SỬ VÀNG-MÃ	5
3) MỘT NGƯỜI NGHÈO LẠ	12
4) CHI - TIẾT VỀ LỄ CUNG - NGHINH NGỌC XÁ - LỢI CỦA ĐỨC PHẬT	18
5) SỰ-TÍCH ĐỨC XÁ-LỢI-PHẬT (tiếp theo)	26
6) THƠ - TÍN	30
7) ĐỜI ĐÁNG YÊU HAY ĐÁNG GHÉT	31
8) DANH-TỪ PHẬT-GIÁO	34
9) TIN-TỨC PHẬT-GIÁO	36